

# THỰC TRẠNG THỐNG KÊ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN CẤP HUYỆN

TS. Minh Hoài<sup>(\*)</sup>

## 1. Thực trạng hoạt động chủ yếu của thống kê nông nghiệp huyện

Hoạt động chủ yếu của thống kê nông nghiệp huyện là thu thập thông tin, tính toán các chỉ tiêu tổng hợp và thực hiện chế độ báo cáo với Cục Thống kê tỉnh và UBND huyện.

**1.1. Về thu thập thông tin:** Thống kê nông nghiệp huyện triển khai các cuộc điều tra định kỳ hàng năm, điều tra chuyên đề và Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản do Cục Thống kê tỉnh chỉ đạo, theo phương án của Tổng cục và chế độ báo cáo đối với các doanh nghiệp trên địa bàn, các phòng ban cấp huyện. Ngoài ra, thống kê nông nghiệp huyện còn phải triển khai các cuộc điều tra đột xuất do UBND tỉnh hoặc UBND huyện quyết định.

**Về điều tra:** Các cuộc điều tra thống kê nông lâm nghiệp và thủy sản cấp huyện hiện nay do Tổng cục Thống kê quyết định gồm có:

- Điều tra diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng:

Chỉ tiêu diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng nông nghiệp là những chỉ tiêu quan trọng của ngành Thống kê trồng trọt cấp huyện, được thu thập qua các cuộc điều tra.

Phương pháp thu thập thông tin cụ thể như sau: chỉ tiêu diện tích gieo trồng điều tra toàn bộ cấp huyện: Đơn vị điều tra là xã.

Mỗi năm các xã đều tiến hành kiểm kê diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp 2-3 lần (vụ Đông Xuân, Hè thu và vụ Mùa).

Dựa vào những cơ sở thông tin trên, Thống kê nông nghiệp huyện chỉ đạo thống kê xã tổ chức kiểm tra thực địa liên ngành (thống kê, tài chính, nông nghiệp, địa chính, Hội nông dân xã ...) để xem xét, xác minh những thay đổi về cơ cấu cây trồng, nguyên nhân tăng giảm diện tích cụ thể từng loại cây trồng ở từng ấp sau đó lập báo cáo kết quả gieo trồng của toàn xã theo vụ sản xuất gửi về Phòng Thống kê huyện.

Phòng thống kê huyện lập báo cáo chung toàn huyện gửi về Cục thống kê tỉnh để tỉnh tổng hợp báo cáo về TW.

- Điều tra năng suất, sản lượng cây trồng (điều tra mẫu)

Đối với lúa:

Từ năm 2001-2007, hoạt động thống kê nông nghiệp huyện tiến hành điều tra diện tích, năng suất, sản lượng lúa theo phương pháp chọn mẫu trên phạm vi cả nước. Địa bàn chọn mẫu là huyện, nên nhiệm vụ của Phòng Thống kê, chủ yếu là bộ phận thống kê nông nghiệp là chủ trì về tổ chức chỉ đạo và triển khai cuộc điều tra này ở các xã mẫu.

Phương thức điều tra là phỏng vấn trực tiếp hộ nông dân về sản lượng lúa khô, sạch đã thu được trên diện tích gieo cấy của vụ

(\*) Hội Thống kê Việt Nam

sản xuất. Cuộc điều tra này còn gọi là “điều tra sản lượng thực thu của hộ gia đình”. Tất cả các huyện có sản xuất lúa đều tiến hành điều tra nên hoạt động của Phòng Thống kê huyện tập trung nhiều thời gian cho cuộc điều tra này.

Quá trình điều tra năng suất, sản lượng lúa của huyện gồm 2 bước:

#### Ước tính năng suất:

Tất cả các xã của huyện cần báo cáo ước tính năng suất lúa cho Phòng thống kê huyện 2 lần

- Ước tính lần 1, khi lúa đại trà trở hết.
- Ước tính lần 2, khi lúa đại trà đã chắc xanh.

Phòng Thống kê huyện, chủ yếu là bộ phận thống kê nông nghiệp là đầu mối tổ chức trong hệ thống liên ngành nông nghiệp, tài chính, kế hoạch, thống kê đi kiểm tra các xã trọng điểm khi lúa đại trà chắc xanh để nghiên cứu và đánh giá lại báo cáo ước tính của các xã. Trên cơ sở đó, phòng thống kê tính toán lại năng suất lúa cho toàn huyện để phù hợp thực tế mùa màng trên phạm vi toàn huyện.

Năng suất ước tính của toàn huyện không chỉ phục vụ kịp thời yêu cầu quản lý, kế hoạch của lãnh đạo huyện, mà còn là cơ sở để tham khảo cho việc tiến hành điều tra thực tế các hộ khi kết thúc thu hoạch.

#### Điều tra thực tế:

Phương án điều tra do Tổng cục quy định: Huyện là địa bàn chọn mẫu. Quy trình chọn mẫu được tiến hành theo 3 cấp: xã, thôn và hộ gia đình nông dân trồng lúa. Tất cả các huyện đều phải áp dụng thống nhất phương pháp điều tra chọn mẫu theo phương án chung của Tổng cục Thống kê

đã hướng dẫn. Căn cứ vào kết quả điều tra thí điểm nhiều năm ở các vùng cũng như đặc điểm về quy mô diện tích, quy mô xã, độ biến động năng suất của các vùng, tỉnh và điều kiện kinh phí, trình độ cán bộ của huyện, cơ sở, v.v....

Tổng cục Thống kê quy định mỗi huyện điều tra chỉ có 1 mẫu đại diện. Hộ gia đình là đơn vị mẫu.

- Đối với các loại cây trồng khác:

Đối với các loại cây trồng khác chỉ tổ chức điều tra ở những xã trọng điểm chiếm nhiều diện tích của cây trồng phải điều tra.

Mỗi huyện chọn 3 xã đại diện cho cây trồng điều tra (1 xã ở vùng năng suất cao, 1 xã ở vùng năng suất trung bình, 1 xã ở vùng năng suất thấp).

Mỗi xã đại diện chọn 3 thôn đại diện, mỗi thôn đại diện chọn 10 hộ (cách chọn tương tự như cách chọn thôn và hộ đại diện điều tra năng suất lúa).

Năng suất điều tra của tất cả các hộ đại diện của huyện sẽ là năng suất chung toàn huyện của cây trồng điều tra.

Đối với những cây trồng chiếm vị trí quan trọng của huyện, có thể mở rộng thêm số xã và hộ đại diện, nhưng cũng không vượt số xã và hộ đại diện quy định trong điều tra năng suất lúa.

- Điều tra chăn nuôi: Mỗi năm tiến hành 2 thời điểm 1/4 và 1/10 (1-8)

Để thu thập số liệu chăn nuôi Tổng cục Thống kê đã quy định tổ chức thực hiện điều tra chăn nuôi định kỳ hàng năm vào 1 tháng 10 (1-8) và 1 tháng 4. Việc tổ chức thực hiện điều tra chăn nuôi ở cấp huyện, nội dung, phương pháp điều tra như sau:

## Tổ chức thực hiện điều tra

Hoạt động của thống kê huyện trong điều tra chăn nuôi bao gồm nhiều công đoạn: chọn mẫu đối với điều tra không toàn bộ 1-4, tập huấn cho thống kê xã, phân công cán bộ điều tra đi kiểm tra, giúp đỡ thống kê các xã, tổng hợp số liệu các đàn gia súc, gia cầm, báo cáo tình hình chăn nuôi với UBND huyện và Cục Thống kê tỉnh.

### Nội dung điều tra

Điều tra chăn nuôi 1 tháng 10 được thực hiện ở tất cả các huyện với nội dung cơ bản như sau:

- Điều tra số lượng gia súc, gia cầm chăn nuôi: số lượng trâu, trâu cày kéo, số lượng bò, bò cày kéo, bò cái vắt sữa, số lượng lợn, lợn nái, lợn thịt, số lượng gia cầm, gà, vịt ngan ngỗng, số lượng ngựa, dê, cừu, hươu, số tổ ong.

- Điều tra sản phẩm chăn nuôi: sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng, sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng, số lượng lợn thịt xuất chuồng, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng, sản lượng sữa bò tươi, sản lượng thịt gia cầm hơi giết bán, sản lượng trứng gia cầm, sản lượng mật ong, sản lượng kén tằm.

- Điều tra chăn nuôi 1 tháng 4 chỉ thực hiện điều tra số lượng lợn và đàn lợn nái ở 14 tỉnh đại diện cho các vùng của cả nước. Huyện là địa bàn điều tra nên Phòng Thống kê huyện có vai trò tổ chức chỉ đạo điều tra chăn nuôi 1-4. Những địa phương khác ngoài 14 tỉnh trọng điểm, tùy theo yêu cầu của địa phương, nhiều huyện vẫn tiến hành điều tra chăn nuôi 1-4.

- Điều tra lâm nghiệp:

Hiện nay trong thống kê lâm nghiệp có hai hình thức thu thập thông tin: Đối với quốc doanh lâm nghiệp thu thập thông tin thông qua chế độ báo cáo định kỳ. Đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh thu thập thông tin qua điều tra chọn mẫu.

*Khu vực kinh tế lâm nghiệp ngoài quốc doanh hiện nay chiếm 70% giá trị sản xuất toàn ngành, một số sản phẩm như trồng cây phân tán, khai thác củi, tre luồng, v.v... phần lớn do khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đảm nhận. Vì vậy xác định đúng phương pháp thu thập thông tin đối với khu vực ngoài quốc doanh đối với thống kê nông nghiệp huyện là rất quan trọng.*

Cuộc điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh được tiến hành trên phạm vi cả nước, ở tất cả các tỉnh thành phố do Phòng Thống kê huyện chủ trì phối hợp với ngành Lâm nghiệp. Ngành thống kê nông nghiệp huyện chịu trách nhiệm chính về nghiệp vụ, soạn thảo phương án có sự trao đổi thống nhất với ngành nông nghiệp và tổ chức tập huấn nghiệp vụ. Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện phối hợp với ngành thống kê lập dự trù kinh phí trình ủy ban nhân dân duyệt và cùng tham gia tổ chức chỉ đạo cuộc điều tra. Đơn vị chủ trì, chỉ đạo thu thập số liệu điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh là Phòng thống kê huyện.

Phương pháp điều tra cây trồng phân tán và thu hoạch sản phẩm từ rừng đã được áp dụng hơn chục năm nay, nói chung kết quả điều tra phản ánh sát với thực tế sản xuất nhưng cần hướng dẫn chi tiết hơn phương pháp phân vùng chọn đại diện. Vai trò của Thống kê huyện trong cuộc điều tra này có ý nghĩa quyết định chất lượng số liệu thu thập được.

- Điều tra thủy sản gồm:

+ Nuôi tôm, cá, các thủy sản loại nước ngọt, nước mặn, nước lợ trong ao, hồ, sông, suối, ruộng lúa, lồng bè, thùng, vũng ven biển được khoanh nuôi bảo vệ.

+ Nuôi trồng tảo, rong biển, rau câu, v.v... làm thức ăn.

+ Đánh bắt cá ở biển, ven biển, sông, hồ, ao và các động vật thân mềm (nhuyễn thể) sống trong nước mặn, lợ, ngọt.

+ Săn bắt động vật sống dưới nước như rùa, vích, ba ba, đồi mồi và các động vật vỏ cứng khác, nhím biển hoặc động vật da gai, không xương sống khác.

+ Thu nhặt nguyên liệu từ biển như ngọc trai tự nhiên, yến sào, san hô, bọt biển rong, tảo...

+ Chế biến các loại thủy sản ngay trên tàu.

+ Các hoạt động dịch vụ có liên quan đến đánh bắt thủy sản, hải sản, nuôi trồng và chế biến thủy sản, hải sản, ương giống thủy sản.

Thống kê thủy sản cấp huyện trực tiếp chỉ theo dõi lĩnh vực hoạt động sản xuất thủy sản - loại trừ khâu tiêu thụ, công nghiệp chế biến sản phẩm và đầu tư xây dựng cơ bản trong thủy sản.

Từ kết quả điều tra thủy sản ngoài quốc doanh và báo cáo định kỳ của các đơn vị kinh tế quốc doanh, các Phòng Thống kê huyện tổng hợp báo cáo về Cục Thống kê và UBND huyện.

- Điều tra sản lượng sản phẩm thủy sản

Thống kê sản lượng sản phẩm thủy sản là một nhiệm vụ phức tạp nên phải tổ chức

điều tra mẫu. Huyện là địa bàn chọn mẫu (chủ yếu các huyện ven biển và các huyện trọng điểm về nuôi trồng thủy sản).

Theo phương án điều tra thủy sản ngoài quốc doanh, các bước chọn mẫu gồm:

*Phân vùng chọn mẫu:* Mỗi huyện (thị xã hoặc tương đương) là một đơn vị tổng thể nhỏ. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên vào trình độ phát triển sản xuất thủy sản và số liệu Tổng điều tra Nông thôn, Nông nghiệp năm trước đó để phân vùng chọn mẫu. Có thể phân ra các vùng sau: Vùng đánh bắt thủy sản, vùng nuôi trồng thủy sản...

- Vùng đánh bắt thủy sản: Bao gồm các xã (phường, thị trấn)... có nhiều hộ và lao động làm nghề đánh bắt thủy sản, thường tập trung ở ven sông, ven biển, hải đảo, các hồ đập lớn ... là những nơi có sẵn nguồn lợi thủy sản để khai thác.

- Vùng nuôi trồng thủy sản: Gồm các xã có nhiều diện tích mặt nước (mặn, lợ, ngọt) được sử dụng vào nuôi trồng, ương, nuôi thủy sản tập trung mang tính chất sản xuất hàng hoá và thu hút nhiều lao động có chuyên môn kỹ thuật .

Những địa phương có nguồn lợi thủy sản đặc biệt có giá trị và nuôi tập trung ở một số địa bàn xác định thì xếp thành 1 vùng riêng như vùng nuôi tôm, nuôi cua, nuôi cá lồng (bè), nuôi ngao, sò...

- Vùng khác: Là các địa bàn còn lại chưa xếp vào 2 vùng trên, sản xuất thủy sản chủ yếu là sản xuất nhỏ, phân tán hoặc chỉ là một nghề phụ.

*Chọn đơn vị điều tra mẫu:*

Trên cơ sở phân vùng, chọn mẫu điều tra theo 2 cấp:

Mẫu cấp 1: Chọn xã đại diện: Các xã trong vùng được sắp xếp lại theo thứ tự trong bảng danh mục hành chính của huyện. Mỗi vùng chọn từ 2-3 xã đại diện để điều tra.

Chọn mẫu cấp 2 - Đơn vị điều tra: mỗi xã mẫu chọn một số hộ thủy sản điều tra theo phương án hiện hành.

*Phương pháp thu thập số liệu tại đơn vị mẫu.*

Các điều tra viên đến trực tiếp các cơ sở mẫu để thu thập số liệu ghi vào biểu in sẵn thông qua phỏng vấn chủ cơ sở sản xuất và sổ sách ghi chép (nếu có).

- Điều tra trạng trại, hợp tác xã nông, lâm thủy sản chu kỳ 1 năm 1 lần, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế trang trại và kinh tế tập thể trong nông, lâm, thủy sản.

- Điều tra cơ sở vật chất kỹ thuật và máy móc, thiết bị nông lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu trên địa bàn huyện.

Nội dung này bao gồm chỉ tiêu máy kéo (tổng số) chia ra máy kéo lớn (trên 12cv), máy kéo nhỏ (từ 12cv trở xuống), một số loại máy công tác dùng trong nông, lâm nghiệp, thủy sản như: máy bơm nước, máy tuốt lúa, máy nghiền thức ăn gia súc, máy phun thuốc trừ sâu có động cơ (bình xịt), cưa có động cơ các loại, tàu đánh cá cơ giới, thuyền xuồng ghe đánh cá cơ giới, ô tô có máy ướp lạnh thủy sản các loại (xe bảo ôn), xe reo (xe chuyên dụng chở gỗ dùng trong lâm nghiệp).

Đối với các đơn vị hộ, trang trại, Tổng cục Thống kê quy định các địa phương tổ chức điều tra điển hình vào những năm đầu, giữa và cuối của mỗi kế hoạch 5 năm của Nhà nước.

Đối với các đơn vị kinh tế Nhà nước, tập thể, tư nhân hỗn hợp trên địa bàn huyện, nếu có văn phòng điều hành quản lý, Thống kê huyện căn cứ vào sổ theo dõi thực trạng máy móc, thiết bị hiện có của đơn vị trước khi đưa vào biểu tổng hợp, báo cáo.

Số lượng máy dùng trong nông, lâm nghiệp, thủy sản (không kể máy thuộc những ngành khác). Số máy này ở mỗi vùng có đặc điểm riêng không thể dùng phương pháp điển hình suy rộng được, vì vậy phải căn cứ vào số liệu năm trước, tình hình biến động máy, xuất nhập, thanh lý, hư hỏng, sửa chữa lớn, v.v... để tính toán cho phù hợp với thực trạng số máy đang được sử dụng ở địa phương. Riêng công suất máy có thể kết hợp tại những điểm điều tra điển hình về hộ, nhân khẩu, lao động để tham khảo.

- Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản chu kỳ 5 năm/lần

Trên cơ sở mục đích nêu trên, nội dung của cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản qua 3 chu kỳ vừa qua bao gồm 5-6 nội dung chính như sau:

+ Tình hình cơ bản của các hộ ở nông thôn, nông nghiệp và thủy sản.

+ Cơ sở hạ tầng nông thôn và thực trạng CNH - HĐH nông thôn.

+ Trang trại, HTX, DN nông lâm thủy sản.

+ Thông tin cơ bản và năng lực của ngành thủy sản.

+ Cơ cấu kinh tế nông thôn, tích lũy, đầu tư của hộ nông thôn.

+ Hiệu quả các cây, con chủ yếu.

### **Về báo cáo:**

Từ năm 2005 đến nay, Tổng cục Thống kê phối hợp với Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành chế độ báo cáo thống kê áp dụng cho các loại hình kinh tế như các ban quản lý dự án, doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, các tổng công ty, chi cục kiểm lâm hoạt động trên địa bàn huyện,...

Nội dung báo cáo của các đơn vị quốc doanh nông lâm nghiệp và thủy sản bao gồm các chỉ tiêu số lượng và giá trị nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô vừa đáp ứng yêu cầu quản lý của UBND huyện và ngành chuyên môn, gồm các chỉ tiêu sau (báo cáo hàng năm):

- Giá trị sản xuất chia theo thành phần kinh tế theo giá so sánh năm 1994 và giá thực tế, tính cho từng loại sản phẩm.

- Sản xuất, tiêu thụ, doanh thu phản ánh kết quả sản xuất, kết quả tiêu thụ sản phẩm chủ yếu tính bằng hiện vật và giá trị... Tồn kho, nộp ngân sách.

- Quản lý bảo vệ rừng bao gồm các chỉ tiêu về giao đất, giao rừng, diện tích và giá trị rừng bị thiệt hại do cháy và do phá rừng làm nương rẫy .

- Giá trị sản xuất và chi phí trung gian (chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, chi phí vật chất khác, chi phí dịch vụ) giá trị tăng thêm của lâm nghiệp chia ra thu nhập của người lao động, thu nhập hỗn hợp, thuế sản xuất, khấu hao tài sản cố định, giá trị thặng dư. Chi phí trung gian tính theo giá thực tế.

Báo cáo tiến độ sản xuất nông nghiệp tuy đã chuyển cho ngành Nông nghiệp nhưng những năm qua nhiều địa phương

vẫn giao cho Phòng Thống kê huyện thực hiện. Do vậy, khối lượng công việc rất lớn, thời gian báo cáo gấp, cán bộ thống kê nông nghiệp huyện phải đầu tư nhiều công sức và kinh phí cho hoạt động này.

**1.2. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp huyện:** Trên cơ sở thông tin thu thập được qua các cuộc điều tra và báo cáo của các Ban, ngành, Phòng Thống kê huyện thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ với Cục Thống kê tỉnh và UBND huyện hàng tháng, quý, năm; chủ yếu là:

- Kết quả các cuộc điều tra định kỳ hàng năm được tiến hành theo chế độ báo cáo và điều tra, gồm có:

+ Diện tích đất các loại 31 tháng 12 hàng năm.

+ Máy móc, thiết bị chủ yếu trong nông, lâm, thủy sản 1 tháng 7 hàng năm.

+ Công trình thủy lợi 1 tháng 7.

+ Cơ giới hoá làm đất và thủy lợi hoá (báo cáo theo vụ sản xuất).

+ Danh mục các đơn vị quốc doanh nông, lâm, thủy sản 31 tháng 12.

+ Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm (theo vụ, năm).

+ Diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm 31 tháng 12.

+ Số lượng, sản phẩm chăn nuôi 1 tháng 10.

+ Đàn lợn 1 tháng 4.

+ Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp 30 tháng 1 năm sau.

+ Diện tích rừng hiện có 31 tháng 12.

+ Trồng rừng, chăm sóc rừng, nuôi rừng 9 tháng, năm.

+ Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp 30 tháng 1 năm sau.

+ Thiệt hại rừng 31 tháng 12.

+ Nuôi trồng thủy sản 1 tháng 10.

+ Đánh bắt thủy sản 1 tháng 10.

+ Sản lượng thủy sản 1 tháng 10.

+ Giá trị sản xuất ngành thủy sản 30 tháng 1 năm sau.

+ Chi phí trung gian ngành Thủy sản.

Để có số liệu cho các báo cáo trên, ngoài kết quả các cuộc điều tra và chế độ báo cáo do Tổng cục qui định, Thống kê nông nghiệp huyện còn phải tính toán một số chỉ tiêu giá trị tổng hợp như giá trị sản xuất và chi phí trung gian, giá trị tăng thêm về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo yêu cầu của lãnh đạo huyện. Huyện là cấp quản lý kinh tế, cấp ngân sách nhưng hiện nay chưa có chỉ tiêu kinh tế tổng hợp nào để đánh giá quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của cấp huyện hàng quý, sáu tháng và hàng năm. Do vậy, để đánh giá tình hình kinh tế của huyện trong từng thời kỳ nhất định, phòng thống kê huyện phải tính toán các chỉ tiêu khác tương đối tổng hợp theo ngành là giá trị sản xuất (GTSX), giá trị tăng thêm (GTTT) để phục vụ yêu cầu của UBND huyện. Trong lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản, các chỉ tiêu đó cũng được sử dụng phổ biến, chủ yếu là sáu tháng và hàng năm để phục vụ yêu cầu của lãnh đạo cấp huyện.

Từ năm 2001 đến nay, nội dung thông tin trong báo cáo của các phòng thống kê huyện còn có số lượng và cơ cấu các trang

trại, số lượng các HTX NN đổi mới theo luật HTX. Các thông tin điều tra chuyên đề, điều tra trọng điểm về nông, lâm nghiệp và thủy sản. Các thông tin về Tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn, thủy sản.

## **2. Đánh giá tổng quát**

### **2.1. Những kết quả**

Tất cả các chỉ tiêu định lượng về nông lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn huyện đều được thu thập, tổng hợp theo một chế độ báo cáo và điều tra thống nhất do Tổng cục thống kê ban hành, nên tính thống nhất của số liệu khá cao: từ huyện lên tỉnh, được tổng hợp theo đơn vị hành chính, phân tổ theo thành phần kinh tế với phương pháp tính thống nhất, nhất là các thông tin nhạy cảm như sản lượng lương thực, năng suất lúa, sản lượng cà phê, sản lượng thủy sản, v.v... Trừ một số số liệu Cục Thống kê phải xử lý lại qua phúc tra và kiểm tra (như sản lượng lương thực, sản lượng cà phê) nhưng nói chung số liệu đầu ra của cấp huyện là số liệu đầu vào của cấp trên trực tiếp (tỉnh) không phải xử lý. Ưu điểm này đảm bảo cho thông tin thống kê nông, lâm nghiệp các cấp có khả năng chi tiết đến từng đơn vị hành chính. Ví dụ, đối với các chỉ tiêu quan trọng: TW chi tiết đến cấp tỉnh, thậm chí đến cấp huyện như sản lượng lương thực, năng suất lúa, đàn lợn, v.v... và cộng tổng số của các cấp dưới thành số liệu của cấp trên trực tiếp. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện nguyên tắc thống nhất trong ngành Thống kê về số liệu công bố và phổ biến thông tin ở TW, địa phương và các cấp.

Tính liên tục khá cao nên đảm bảo khả năng so sánh theo không gian, theo thời gian, rất tiện lợi cho công tác phân tích

thống kê. Do thống nhất về nội dung chỉ tiêu, phương pháp tính, phương pháp phân tổ nên tất cả các loại số liệu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản cấp huyện từ trước đến nay đều có thể so sánh, phân tích và tính toán dễ dàng, không cần xử lý (trừ trường hợp thay đổi địa giới hành chính huyện và xã).

Hoạt động phổ biến thông tin thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản cấp huyện đối với cả nước đã tăng dần, do nội dung và phương pháp tính toán các chỉ tiêu thống kê theo chế độ hiện hành phần lớn đã tiếp cận với thực tế các vùng trong cả nước. Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả sản xuất như: diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng nông nghiệp, số lượng và sản phẩm chăn nuôi, sản lượng thủy sản, giá trị sản xuất các ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, kết quả các cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản... đều được công bố và phát huy tác dụng kịp thời phục vụ lãnh đạo cấp huyện và tỉnh.

Trên cơ sở tính thống nhất và tính hệ thống được đảm bảo, hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm của các huyện, các Cục thống kê tỉnh, thành phố và Tổng cục Thống kê đều cung cấp kịp thời số liệu nông, lâm nghiệp, thủy sản của địa phương và cả nước phục vụ yêu cầu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đề ra ở mỗi cấp và tính toán, cân đối nhiều chỉ tiêu có liên quan như xuất khẩu gạo, nhập khẩu phân bón, xác định sản lượng lúa hàng hoá, điều chỉnh giá phân bón, thuốc trừ sâu, thu mua nông sản của dân. Kết quả báo cáo của thống kê nông nghiệp huyện với hệ thống chỉ tiêu khá toàn diện được thu thập xử lý đúng phương pháp đảm bảo tính khách quan, đã được các ngành các cấp, nhất là cấp huyện, xã

thống nhất sử dụng trong công tác quản lý và điều hành ở địa phương. Vai trò và vị trí của thống kê nông nghiệp huyện ngày càng được đánh giá cao trong việc phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện, xã và tỉnh.

Công tác phân tích thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản cấp huyện đã được tiến hành trên cơ sở số liệu điều tra thường xuyên và điều tra chuyên đề. Trong những năm qua, công tác phân tích thống kê nông nghiệp cấp huyện chủ yếu tập trung vào các báo cáo 6 tháng (kết thúc vụ đông xuân), 9 tháng (kết thúc vụ hè thu và ước tính cả năm), báo cáo năm toàn diện về nông, lâm, thủy sản. Nội dung các báo cáo phân tích bao gồm các chỉ tiêu hiện vật và một số chỉ tiêu giá trị, chi tiết đến các nhóm cây, con hoặc sản phẩm chủ yếu, khá toàn diện, từ điều kiện sản xuất, quá trình sản xuất đến kết quả sản xuất, qua đó phản ánh thực trạng và động thái phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của huyện các tiểu vùng và các xã trong huyện. Trên cơ sở phân tích thực trạng, nhiều báo cáo cấp huyện còn đề cập đến nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến thực trạng đó trong năm báo cáo bằng nhiều chỉ tiêu về cơ cấu, tốc độ khá chi tiết. Phương pháp phân tích của Thống kê nông nghiệp huyện tuy còn giản đơn, sơ lược nhưng điều quan trọng là đã lý giải được nguyên nhân tăng giảm của số liệu thống kê về các cây, con cụ thể vào thời kỳ báo cáo đồng thời dự đoán được triển vọng của tình hình. Thông thường, đến tháng 9 các Phòng thống kê huyện làm báo cáo phân tích thực trạng 9 tháng (qua 2 vụ Đông xuân và Hè thu) và dự báo kết quả cả năm và vụ mùa cũng như các chỉ tiêu khác về lâm nghiệp, thủy sản,



giá trị sản xuất từng ngành. Báo cáo này có tác dụng phục vụ kịp thời yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Huyện ủy, UBND, HĐND huyện và của tỉnh.

Báo cáo hàng tháng về nông nghiệp chủ yếu là báo cáo tiến độ sản xuất mà nguồn thông tin chủ yếu là lấy từ báo cáo nhanh của các Ban nông nghiệp xã, Ban thống kê xã về quá trình sản xuất và những vấn đề đột xuất như hạn hán, bão lụt, sâu bệnh, dịch bệnh gia súc, v.v... Tác dụng của báo cáo tháng là làm tài liệu tham khảo cho các báo cáo kết thúc vụ, 6 tháng, 9 tháng và cả năm về nông, lâm, thủy sản phục vụ báo cáo của huyện và tỉnh. Đó cũng là các chỉ tiêu đầu ra được sử dụng phổ biến trong nông, lâm nghiệp và thủy sản cấp huyện hiện nay, dù báo cáo này ở cấp tỉnh do ngành Nông nghiệp thực hiện.

Báo cáo phân tích chuyên đề: từ trước đến nay, các báo cáo phân tích chuyên đề về nông, lâm nghiệp và thủy sản được thực hiện theo các hình thức: phân tích tổng hợp thực trạng và xu hướng phát triển nông nghiệp huyện theo các kỳ kế hoạch 5 năm, chiến lược 10 năm, hoặc phân tích sâu theo các chuyên đề cụ thể như kinh tế trang trại, kinh tế HTX, cơ cấu kinh tế nông nghiệp, các cây trồng chủ yếu như lúa gạo, cà phê, cao su, thực trạng nông nghiệp nông thôn qua các thời kỳ, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, v.v... Nội dung các chuyên đề khá toàn diện, nguồn số liệu chủ yếu là kết quả điều tra, báo cáo của hệ thống thống kê nông nghiệp và số liệu các chuyên ngành thống kê khác có liên quan đến nông nghiệp (công nghiệp chế biến nông sản, thị trường giá cả nông sản, xuất khẩu nông sản, thu nhập đời sống nông dân, v.v...).

## **2.2. Nhược điểm và bất cập cần hoàn thiện**

### *Về chuyên môn nghiệp vụ*

Trong lĩnh vực thống kê nông lâm thủy sản cấp huyện:

Do mỗi cấp chính quyền đều rất cần số liệu về nông nghiệp nên họ yêu cầu mẫu điều tra phải đại diện cho cả chính địa phương đó là xã, huyện để phục vụ thi đua, khen thưởng về thâm canh tăng năng suất (như điều tra năng suất lúa). Trong khi đó, khả năng về kinh phí, lực lượng của ngành thống kê nông nghiệp, nhất là cấp huyện chỉ có thể đáp ứng được số mẫu cần thiết theo yêu cầu của cấp cao hơn (tỉnh), cùng lắm là đến huyện, không thể đến xã. Để đáp ứng yêu cầu đó, nhiều huyện và xã đã đầu tư kinh phí cho thống kê huyện, xã để mở rộng phạm vi điều tra năng suất lúa so với mẫu của tỉnh. Tình hình này dẫn đến không quản lý, chỉ đạo chặt các mẫu điều tra, nhiều nguồn số liệu khác nhau không đảm bảo khả năng so sánh theo yêu cầu chuyên môn.

Tình trạng phổ biến là hệ thống chỉ tiêu đầu vào và đầu ra trên địa bàn huyện thường lẫn với nhau và chỉ phục vụ được yêu cầu của cơ chế kế hoạch hoá tập trung và sản xuất tự cung tự cấp trong nông nghiệp. Đặc biệt, từ khi chuyển đổi cơ chế quản lý trong nông, lâm nghiệp và thủy sản sang cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, sự lúng túng và bất cập đó càng rõ nét. Cơ chế thị trường đòi hỏi thông tin thống kê nói chung, trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản nói riêng, có nội dung phong phú, chủng loại đa dạng, chất lượng cao hơn và chi tiết, cụ thể hơn. Các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng và hiệu quả phải được sử dụng nhiều hơn, ngược lại các chỉ

tiêu hiện vật, thô, chỉ thích hợp với nền nông nghiệp tự cấp tự túc, được sử dụng ít hơn.

Công tác phân tích kinh tế của thống kê nông nghiệp huyện chưa theo kịp yêu cầu của lãnh đạo và quản lý. Các báo cáo phân tích đơn giản, mới dừng lại ở giải thích số liệu là chính, chưa đi sâu lý giải nguyên nhân và bản chất tình hình sản xuất của nông nghiệp huyện từng thời kỳ.

Trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản cấp huyện hiện nay, tồn tại lớn nhất là thiếu các chỉ tiêu về chất lượng và hiệu quả sản xuất. Trong chế độ báo cáo và điều tra hiện hành, chủ yếu chỉ bao gồm các chỉ tiêu số lượng, tập trung vào những cây trồng và vật nuôi quan trọng như lúa, ngô, cà phê, cao su, gia súc, thủy sản. Với các chỉ tiêu chủ yếu là diện tích, năng suất, sản lượng, số lượng đầu con và sản phẩm chính. Các chỉ tiêu về giá trị, chất lượng và hiệu quả sản xuất, hiệu quả đầu tư đều chưa có hoặc chưa đồng bộ.

*Về phương pháp thu thập thông tin cấp huyện:* Hình thức thu thập thông tin nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản cấp huyện chủ yếu là điều tra, nhưng do hạn chế về kinh phí và lực lượng nên chất lượng số liệu chưa cao. Đối với điều tra toàn bộ, như diện tích đất đai, diện tích gieo trồng, số lượng đàn gia súc, số lượng máy móc và các công trình thủy lợi, số lượng HTX, số lượng trang trại, tàu thuyền đánh cá, v.v... hiện nay chưa thực hiện đầy đủ cho tất cả các loại đối tượng điều tra, mà chỉ dừng lại ở một số đối tượng chủ yếu như diện tích gieo trồng lúa, ngô, cà phê, cao su, còn hầu hết các đối tượng khác chỉ điều tra theo chu kỳ 3-5 năm một lần, các năm không điều tra toàn bộ buộc phải khai thác các nguồn số liệu khác để bổ sung hoặc điều tra mẫu để điều chỉnh.

Một số cuộc điều tra lẽ ra phải tiến hành toàn bộ nhưng do thiếu kinh phí nên phải điều tra mẫu (chăn nuôi, máy nông nghiệp, v.v...).

Đối với điều tra mẫu, như điều tra năng suất cây trồng, cơ cấu và chất lượng đàn gia súc, chi phí sản xuất, chi phí trung gian trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, v.v... các huyện đều phải hạn chế số lượng mẫu, đơn giản cách chọn mẫu, cách tính toán sao cho vừa đáp ứng được yêu cầu cơ bản về độ tin cậy của số liệu, nhưng lại vừa với kinh phí ít và lực lượng mỏng của thống kê cơ sở. Số lượng mẫu ít, sai số phi chọn mẫu có khả năng thấp, nhưng sai số chọn mẫu lại cao, ảnh hưởng đến chất lượng kết quả suy rộng. Đối với một số cuộc điều tra quan trọng như năng suất lúa, ngô, cà phê, yêu cầu thông tin theo cấp hành chính là rất lớn, trong khi khả năng kinh phí có hạn nên số lượng mẫu được chọn chỉ đại diện cho cấp huyện và cấp tỉnh, không thể đại diện cho cấp xã hoặc cho từng giống lúa, trà lúa (điều tra năng suất lúa). Ví dụ: điều tra năng suất lúa hiện nay chỉ tiến hành ở 1/3 số xã, với 200 hộ mẫu mỗi huyện (đồng bằng), 100 hộ (miền núi) là rất ít. Vì vậy, bên cạnh mẫu chung của huyện, nhiều huyện, thậm chí cả xã, HTX lại đầu tư kinh phí có mẫu riêng của từng xã để họ điều tra, tính toán năng suất lúa cho xã theo chỉ đạo của huyện. Như vậy, cùng một cuộc điều tra năng suất lúa trên cùng một huyện có 2 giàn mẫu khác nhau, thậm chí 2 lực lượng, 2 nguồn kinh phí khác nhau, dẫn đến 2 kết quả khác nhau. Điều đó đã xảy ra ở nhiều địa phương, dẫn đến sự đánh giá khác nhau về cùng một hiện tượng trên cùng một địa phương mà nguyên nhân chủ yếu do nội dung, phương pháp thu thập thông tin không thống nhất từ cơ sở. Đối với

các cuộc điều tra mẫu khác, do kinh phí ít và lực lượng mỏng, nên sai số chọn mẫu và phi chọn mẫu đều là những vấn đề nan giải, ngành Thống kê biết nhưng chưa xử lý hết. Hiện tượng chênh lệch quá lớn về năng suất các loại cây trồng giữa vùng này với vùng khác, tỉnh này với tỉnh khác, huyện này với huyện khác là phổ biến, có khi rất lớn, rất vô lý nhưng rất khó điều chỉnh. Tình trạng năng suất lúa của một số huyện miền núi lại cao hơn huyện đồng bằng, huyện trọng điểm thấp hơn huyện khó khăn, không trọng điểm... không phải là cá biệt. Nếu so sánh năng suất cây trồng của cùng một địa phương theo thời gian, thì xu hướng biến động của nó cũng rất khác nhau giữa các thời kỳ và suy cho cùng là do chất lượng điều tra mẫu của thống kê huyện chưa tốt.

Sự tồn tại của 2 hệ thống thu thập thông tin thống kê nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản huyện như hiện nay cũng gây khó khăn cho công tác. Hệ thống thống kê Nhà nước do Phòng Thống kê huyện chịu trách nhiệm thu thập, công bố số liệu nông, lâm nghiệp, thủy sản cả nước từ số liệu về điều kiện sản xuất (đất đai, lao động, máy móc, v.v...) đến kết quả sản xuất và là số liệu chính thống của Nhà nước. Thống kê ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngành Thủy sản thu thập các thông tin tác nghiệp phản ánh quá trình sản xuất, thị trường nông sản, kỹ thuật của các ngành này. Sự phân công như trên tuy có mặt tích cực là chuyên môn hoá cao hơn, nhưng có nhược điểm là nguồn thông tin nông nghiệp huyện bị chia cắt giữa các giai đoạn của một quá trình sản xuất, dẫn đến sự hạn chế tính thống nhất và liên tục trong theo dõi và đánh giá kết quả sản xuất. Trong nông nghiệp, thống kê huyện theo dõi đánh giá kết quả

sản xuất nhưng thống kê tiến độ sản xuất, biện pháp kỹ thuật, thị trường lại do thống kê ngành nông nghiệp thực hiện nên rất khó khăn trong việc đánh giá, thống nhất nguồn số liệu năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi.

Số lượng đơn vị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của huyện rất lớn, trong đó chủ yếu là hộ gia đình nông dân. Quy mô mỗi đơn vị sản xuất lại rất nhỏ, phân tán, hoạt động đa dạng theo tính tự phát của từng hộ nông dân, các đơn vị doanh nghiệp nông nghiệp của các thành phần kinh tế luôn thay đổi tổ chức và cách thức hoạt động. Doanh nghiệp tư nhân đang tồn tại trong thực tế nhưng lại chưa đăng ký kinh doanh theo luật doanh nghiệp, nên rất khó phân loại để thu thập thông tin. Cho đến nay, nhiều doanh nghiệp tư nhân nông nghiệp nhưng về pháp lý vẫn là hộ gia đình nông dân. Khi điều tra mẫu, các hộ này vẫn được xếp vào danh sách các hộ nông nghiệp bình thường như các hộ khác, kể cả các hộ nghèo, quy mô sản xuất rất bé, thậm chí không có ruộng đất. Do vậy, việc phân loại để tiến hành điều tra, thu thập thông tin của các doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn huyện hiện nay là rất khó. Tiêu chí để phân biệt hộ gia đình với các loại hình doanh nghiệp không có, dẫn đến sự nhận diện và áp dụng phương pháp điều tra khác nhau, kết quả khác nhau. Chất lượng thông tin thống kê thu thập được cũng còn những vấn đề cần bàn. Đối với doanh nghiệp nông nghiệp Nhà nước, mô hình tổ chức và quản lý hiện nay cũng rất đa dạng và diễn biến phức tạp, rất khó khăn cho việc thu thập thông tin theo chế độ báo cáo cấp huyện. Nhiều doanh nghiệp Nhà nước (nông trường, lâm trường quốc doanh, trạm trại

nông nghiệp) tuy đăng ký ngành nghề là nông nghiệp hoặc lâm nghiệp, nhưng thực tế hoạt động lại là thương mại dịch vụ hoặc kinh doanh tổng hợp. Vì vậy, áp dụng chế độ báo cáo đối với nông, lâm trường quốc doanh cho các đơn vị này thì đúng với lý thuyết song lại sai so với thực tế, gây khó khăn cho hoạt động thống kê nông nghiệp cấp huyện. Kết quả là hầu hết các doanh nghiệp Nhà nước không thực hiện được chế độ báo cáo thống kê và pháp lệnh kế toán thống kê trước đây và Luật Thống kê hiện nay. Sự thiếu vắng số liệu khu vực quốc doanh nông, lâm, thủy sản cấp huyện là một nhược điểm lớn, cần nhận diện để tìm giải pháp cho những năm tới. Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nông, lâm, thủy sản chưa được thể hiện qua số liệu thống kê cấp huyện.

Thông tin về nông thôn là một yêu cầu cấp bách của Nhà nước, nhưng với mô hình tổ chức và chế độ báo cáo và điều tra hiện hành thì ngành Thống kê nói chung và thống kê nông nghiệp huyện nói riêng không đáp ứng được. Toàn bộ thông tin về nông thôn không nằm trong hệ thống thông tin thống kê nông nghiệp huyện nên không có số liệu có căn cứ thực tế. Hiện nay Thống kê nông nghiệp huyện chỉ khai thác số liệu Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản các năm 1994, 2001 và 2006 để sử dụng trong báo cáo hàng năm với UBND huyện.

#### *Về cung cấp thông tin đầu ra*

Nội dung nghèo, đơn điệu, hình thức phổ biến chủ yếu là số liệu, phần phân tích quá ít và quá đơn giản, đối tượng phổ biến còn quá ít, v.v... Đó là những nhược điểm chính về phổ biến thông tin nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện nay ở cấp huyện.

Nội dung thông tin đã nghèo nhưng đưa vào phổ biến lại chỉ có một bộ phận nhỏ trong các thông tin đã thu thập được, nên càng nghèo hơn. Nhược điểm này thể hiện ở tất cả các cấp của hệ thống thống kê nông nghiệp từ tỉnh đến huyện và nhất là xã. Nội dung thông tin phổ biến hiện nay chủ yếu là các chỉ tiêu về kết quả sản xuất lương thực 2 vụ sản xuất đông xuân và vụ hè thu, vụ mùa, nếu có mở rộng ra, có thêm diện tích, năng suất và sản lượng lúa, màu, cây công nghiệp ở một số huyện trọng điểm sản xuất. Thông tin về chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản càng nghèo và không đồng bộ. Do đó, nếu chỉ căn cứ vào những thông tin trong báo cáo hiện nay thì rất khó khăn trong công tác phân tích, đánh giá thực trạng và xu hướng phát triển của nông nghiệp theo hướng hàng hoá cấp huyện.

Về hình thức phổ biến chủ yếu là số liệu tổng số, thiếu các vùng, thiếu phân phân tích nguyên nhân của thực trạng và xu hướng phát triển của từng vùng trong mối quan hệ với cả nước.

Đối với phân tích chuyên đề: kết thúc các cuộc điều tra chuyên đề hoặc Tổng điều tra, sản phẩm của thống kê nông nghiệp huyện còn nhiều hạn chế. Số lượng báo cáo chưa nhiều, chất lượng thấp chủ yếu là giải thích hoặc minh hoạ số liệu. Các phân tích chuyên đề khác về nông, lâm, thủy sản cũng rất thiếu và yếu. Đối với các cuốn số liệu lịch sử về nông, lâm nghiệp và thủy sản cấp huyện được hình thành một cách tự phát. Đó cũng là một nhược điểm đã hạn chế tác dụng của thông tin thống kê, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp huyện.

Nguyên nhân của tình trạng yếu kém trên đây có nhiều, song theo tôi chủ yếu là do:

- Chế độ báo cáo và điều tra thống kê nông nghiệp huyện chưa được chuẩn hoá, trong đó rõ nhất là hệ thống chỉ tiêu đầu vào, đầu ra của cấp huyện.

- Lãnh đạo các cấp tỉnh và huyện chưa có quan điểm và chủ trương rõ ràng về hoạt động thống kê cấp huyện nói chung, thống kê nông nghiệp nói riêng. Mọi quan hệ cung cấp thông tin trong thống kê cấp huyện còn mang tính tự phát (trừ báo cáo tháng, quý, năm) chưa thành quy chế có tính bắt buộc.

- Yêu cầu của lãnh đạo tỉnh, huyện đối với thông tin thống kê cấp huyện chưa được chuẩn hoá. Đầu vào chưa rõ ràng cũng gây khó khăn cho ngành Thống kê trong việc xác định đầu ra của thông tin thống kê nông nghiệp huyện.

- Công tác phương pháp chế độ của toàn ngành Thống kê đổi mới quá chậm so với yêu cầu phổ biến thông tin phục vụ sự nghiệp đổi mới cơ chế và chính sách của Nhà nước. Chế độ báo cáo và điều tra thống kê cấp huyện chậm ban hành, nhất là trong nông lâm nghiệp thủy sản. Mặt yếu kém này rõ nhất là không xác định được nhu cầu thông tin của mỗi cấp để từ đó xác định được hệ thống chỉ tiêu thống kê cần thu thập, qua chế độ báo cáo và điều tra cho cấp huyện.

- Trình độ cán bộ thống kê nông nghiệp huyện hiện nay cũng chưa đáp ứng được yêu cầu phổ biến thông tin dưới dạng phân

tích kinh tế tổng hợp. Trong khi đó tính ổn định, chuyên môn hoá của các cán bộ này không cao, thường phải thay đổi hoặc làm các công tác đột xuất của huyện. Phần lớn công chức thống kê nông nghiệp huyện có trình độ trung bình và thấp so với yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thống kê.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của Phòng Thống kê huyện còn nghèo nhất là trụ sở, máy tính, điện thoại, FAX. Thu nhập và đời sống của công chức thống kê huyện nói chung thống kê nông nghiệp nói riêng còn thấp.

- Cơ sở xã, doanh nghiệp, HTX, trang trại hiện nay không có cán bộ thống kê chuyên trách nên hoạt động của thống kê nông nghiệp huyện gặp nhiều khó khăn cả về lực lượng, kinh phí, tổ chức chỉ đạo các cuộc điều tra, tổng điều tra.

- Kinh phí eo hẹp. Sự hạn chế về ngân sách nên đầu tư cho lĩnh vực thống kê nông nghiệp nói chung trên địa bàn huyện nói riêng cũng là vấn đề nổi cộm rất đáng quan tâm. Tính trung bình, kinh phí thường xuyên cho các cuộc điều tra nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện chỉ ở mức trên, dưới 1 triệu đồng/ cuộc, chỉ đáp ứng được yêu cầu tập huấn điều tra viên. Kinh phí ít, các cuộc điều tra nhiều, lực lượng cán bộ mỏng, trình độ không đều dẫn đến sai sót lớn trong các khâu thu thập, xử lý số liệu là khó tránh khỏi■